

Số: /KH-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 7 năm 2021

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 20/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Xây dựng Chính quyền điện tử, Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 20/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Xây dựng Chính quyền điện tử, Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Chỉ đạo của Ban Cán sự Đảng, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện (sau đây gọi tắt là Kế hoạch), cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả, đạt mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 20/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Xây dựng Chính quyền điện tử, Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Làm căn cứ, cơ sở để các Cơ quan Đảng, Mặt trận tổ quốc Việt nam, các tổ chức chính trị, xã hội; các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện xây dựng Chính quyền điện tử, Chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, tổ chức và địa phương mình.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2025:

- 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được quản lý, xử lý và luân chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

- 100% dịch vụ công đáp ứng yêu cầu được cung cấp trực tuyến mức độ 4, được thực hiện truy cập trên nhiều phương tiện, thiết bị khác nhau; tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên tổng số hồ sơ đạt ít nhất 50%;

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính được cập nhật trên Cổng dịch vụ công và hệ thống Một cửa điện tử của tỉnh và xử lý hoàn toàn trực tuyến;

- 100% dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ;

- 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương;

- Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính;

- 100% cơ quan Đảng ban hành công khai bộ thủ tục hành chính và liên thông giải quyết giữa các cơ quan;

- 100% văn bản (trừ văn bản mật theo quy định) trao đổi giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số theo quy định;

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được tích hợp, kết nối với hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh và liên thông với hệ thống thông tin báo cáo quốc gia;

- 80% dữ liệu quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước được số hóa, lưu trữ tập trung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh và đưa vào khai thác hiệu quả;

- 100% cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số;

- 100% cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ 24/7, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân và doanh nghiệp cần. 100% công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc;

- 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất;

- 50% hoạt động kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số;

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình; phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh; ít nhất 50% người dân có tài khoản thanh toán điện tử; 90% người dân được tiếp cận với các dịch vụ của chính quyền số, đô thị thông minh;

- Phân đầu kinh tế số chiếm 20% GRDP của tỉnh;

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%;

- Phân đầu 60% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh; 90% doanh nghiệp thực hiện giao dịch điện tử trong các hoạt động về tài chính;

- Hình thành nền tảng đô thị thông minh tại các huyện, thành phố; phát triển các dịch vụ đô thị thông minh ở các lĩnh vực ưu tiên tại thành phố Ninh Bình;

- Ninh Bình nằm trong nhóm 20 địa phương dẫn đầu về chuyển đổi số của cả nước.

2.2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030:

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);
- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên tổng số hồ sơ đạt ít nhất 80%;
- 100% dữ liệu quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước được số hóa, lưu trữ tập trung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh và đưa vào khai thác hiệu quả;
- 70% hoạt động kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;
- Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang; phổ cập dịch vụ mạng di động 5G; tỷ lệ người dân có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%; 100% người dân được tiếp cận với các dịch vụ của chính quyền số, đô thị thông minh;
- 80% doanh nghiệp trên địa bàn ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh; 100% doanh nghiệp thực hiện giao dịch điện tử trong các hoạt động về tài chính;
- Kinh tế số chiếm 30% GRDP của tỉnh;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.
- Xây dựng thành phố Ninh Bình cơ bản trở thành đô thị thông minh; các dịch vụ đô thị thông minh ưu tiên được triển khai tại thành phố Tam điệp và các huyện trong tỉnh;
- Ninh Bình nằm trong nhóm 15 địa phương dẫn đầu về chuyển đổi số của cả nước.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Các Phụ lục kèm theo:

- Phụ lục 1: Phân công phụ trách theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện các chỉ tiêu.
- Phụ lục 2: Danh mục các văn bản, chương trình, hoạt động.
- Phụ lục 3: Danh mục các nhiệm vụ, dự án triển khai.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm: Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành; lồng ghép với các dự án, chương trình, kế hoạch khác có liên quan; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Hàng năm, ưu tiên bố trí ít nhất 1,0% tổng chi cân đối ngân sách địa phương và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để triển khai thực hiện các hoạt động, chương trình, đề án, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số và đô thị thông minh, đặc biệt là công tác đào tạo, đào tạo lại cán bộ về chuyên ngành công nghệ thông tin.

2. Các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố căn cứ nhiệm vụ được giao, chủ động

xây dựng kế hoạch xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số của đơn vị mình và ưu tiên bố trí nguồn lực để thực hiện.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Xây dựng Chính quyền điện tử và Chuyển đổi số của tỉnh

Chỉ đạo đôn đốc, kiểm tra, giám sát và điều phối chung việc tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Là cơ quan thường trực Ban chỉ đạo Xây dựng Chính quyền điện tử và Chuyển đổi số tỉnh, chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Định kỳ 6 tháng và hàng năm (trước ngày 15/12) báo cáo Ban Chỉ đạo Xây dựng Chính quyền điện tử và Chuyển đổi số tỉnh và UBND tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch.

b) Phối hợp, tham gia ý kiến đối với các chương trình, dự án tại Phụ lục 3 của Kế hoạch do các ngành, địa phương chủ trì thực hiện. Chủ động nắm bắt, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ của nhiệm vụ, dự án để phối hợp với các ngành, địa phương tìm phương án giải quyết, báo cáo Ban Chỉ đạo và UBND tỉnh xem xét, quyết định.

c) Đầu mối phối hợp với Bộ ngành Trung ương trong triển khai các nền tảng số toàn quốc; kết nối, tích hợp các cơ sở dữ liệu quốc gia để thu nhận, chia sẻ các cơ quan sử dụng, cung cấp công khai và mở cho người dân, doanh nghiệp.

d) Chủ trì tham mưu và tổ chức cung cấp thông tin phục vụ công tác tuyên truyền, định hướng và công khai kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch.

đ) Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức về Chính quyền điện tử, Chính quyền số, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh.

e) Hàng năm, căn cứ Kế hoạch này và định hướng của Bộ Thông tin và Truyền thông, các Bộ, ban, ngành ở Trung ương, triển khai xây dựng Kế hoạch xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn, an ninh mạng của tỉnh. Đồng thời, chủ trì tổng hợp dự toán kinh phí của các cơ quan, đơn vị, gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí đầu tư phát triển cho các đề án, dự án, chương trình ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số, phát triển đô thị thông minh nêu tại Kế hoạch này.

b) Phối hợp xây dựng nền tảng số phục vụ đánh giá chất lượng, năng lực điều hành của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố phục vụ cải thiện, nâng cao chỉ số DDCI và chỉ số PCI tỉnh Ninh Bình.

c) Chủ trì thực hiện các giải pháp xây dựng chính sách, tư vấn, hỗ trợ, đề xuất các cơ chế huy động các nguồn vốn cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghệ thông tin.

4. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh bảo đảm hằng năm, ưu tiên bố trí ít nhất 1,0 % tổng chi cân đối ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ, dự án phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính quyền điện tử, chuyển đổi số, phát triển dịch vụ đô thị thông minh theo nội dung Kế hoạch.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Ưu tiên phân bổ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho chuyển đổi số, chú trọng các nhiệm vụ có kinh phí đối ứng của doanh nghiệp khoa học và các công nghệ; ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

b) Tổ chức triển khai các chương trình hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Ninh Bình gắn với chuyển đổi số.

c) Tham mưu sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính trong nghiên cứu, phát triển khoa học công nghệ gắn với tăng cường thực hiện mục tiêu chuyển đổi số. Kết nối và phối hợp chặt chẽ với Đại học Hoa Lư, các trường học, doanh nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn trong tổ chức nghiên cứu, ứng dụng các sáng kiến, giải pháp về trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số.

6. Sở Nội vụ

a) Tổ chức phát động phong trào thi đua đẩy mạnh chuyển đổi số trong toàn tỉnh. Hàng năm lựa chọn, vinh danh, khen thưởng cho các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến về chuyển đổi số.

b) Đưa vào đánh giá thi đua khen thưởng trách nhiệm người đứng đầu về kết quả triển khai chuyển đổi số của ngành, địa phương mình.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức về Chính quyền điện tử, Chính quyền số, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh; tham mưu UBND tỉnh thành lập các tổ chức mới hoặc bổ sung chức năng, nhiệm vụ cho tổ chức hiện có để phục vụ triển khai chuyển đổi số.

7. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan duy trì, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh, tập trung đầu tư, triển khai các giải pháp sớm đưa Trung tâm trở thành hạt nhân trong tiến trình Chuyển đổi số của tỉnh.

b) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, vận hành, khai thác và sử dụng có hiệu quả các hệ thống thông tin phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; đẩy mạnh triển khai các giải pháp để trở thành cơ quan đi đầu trong chuyển đổi số hướng tới chính quyền số.

8. Các sở, ban, ngành của tỉnh và UBND các huyện thành phố

a) Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, địa bàn mình phụ trách. Chỉ đạo triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm về các nội dung sau:

- Phụ trách theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện; phối hợp thực hiện các chỉ tiêu của Kế hoạch theo phân công tại *Phụ lục 1*.

- Chủ trì; phối hợp triển khai xây dựng các văn bản, chương trình; tổ chức các hoạt động theo phân công tại *Phụ lục 2*.

- Chủ trì triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án theo ngành/lĩnh vực được phân công tại *Phụ lục 3*.

b) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện các nhiệm vụ, dự án về phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, chuyển đổi số, lập kế hoạch chi tiết, gửi Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định, góp ý, trình UBND tỉnh phê duyệt, triển khai.

c) Căn cứ nhiệm vụ được phân công, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch chi tiết và tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả, định kỳ 6 tháng (trước ngày 15/6) và hàng năm (trước ngày 10/12) báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông) tình hình, kết quả thực hiện.

d) Thực hiện lồng ghép, cập nhật nội dung, nhiệm vụ, giải pháp của các Chương trình, Kế hoạch, Đề án chuyển đổi số của Bộ, ngành chủ quản với nội dung, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này. Tái cấu trúc tổ chức, quy trình nghiệp vụ để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số, hướng tới số hóa toàn bộ hoạt động của cơ quan, đơn vị.

đ) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị, địa phương khác trong việc thực hiện các dự án liên ngành, liên vùng, đảm bảo tính đồng bộ, kết nối, liên thông; có trách nhiệm chia sẻ dữ liệu do cơ quan, đơn vị mình quản lý về Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh phục vụ chia sẻ cho các cơ quan khác khai thác, sử dụng.

e) Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung; các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tìm phương án giải quyết, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

9. Văn phòng Tỉnh ủy

a) Chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh triển khai hiệu quả hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, hệ thống Thông tin báo cáo dùng chung, thống nhất cho toàn bộ các cơ quan Đảng, Mặt trận tổ quốc, tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội trong toàn tỉnh và liên thông gửi, nhận hồ sơ, văn bản điện tử với các cơ quan, đơn vị, chính quyền các cấp; nghiên cứu giải pháp kết nối với các hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của các cơ quan, tổ chức ở Trung ương.

b) Chủ trì theo dõi, đôn đốc và hướng dẫn các cơ quan Đảng thực hiện chuẩn hóa, công khai thủ tục hành chính và liên thông giải quyết thủ tục hành chính giữa các cơ quan trên môi trường mạng; thực hiện và hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu về chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng.

10. Tỉnh Đoàn Ninh Bình

a) Tuyên truyền, hướng dẫn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số cho toàn thể Đoàn viên thanh niên.

b) Chỉ đạo các cơ sở Đoàn tích cực, chủ động tham gia vào các Chương trình chuyển đổi số của tỉnh; thể hiện tinh thần xung kích trong công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng về chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh triển khai chính quyền số trong công tác Đoàn.

11. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Ninh Bình, Cổng Thông tin điện tử tỉnh và các cơ quan truyền thông, báo chí trên địa bàn

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung, chính sách pháp luật để nâng cao nhận thức cho người dân và toàn xã hội về Chính quyền điện tử, Chính quyền số, chuyển đổi số thông qua các kênh truyền thông, chuyên trang, chuyên mục trên các chương trình truyền thanh, truyền hình.

b) Phổ biến, lan tỏa câu chuyện thành công, tôn vinh các mô hình, tấm gương thành công điển hình về chuyển đổi số.

12. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

a) Tích cực, chủ động phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cùng các cơ quan truyền thông, báo chí đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức cho người dân và toàn xã hội về Chính quyền điện tử, Chính quyền số, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin. Tổ chức phổ cập kỹ năng số và hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của các cơ quan Nhà nước thông qua các hoạt động xã hội hóa.

b) Phát huy mạnh mẽ vai trò của tổ chức, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương đảng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Thông tin và Truyền thông (để b/c);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo HĐND, UBND tỉnh;
- MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- Các Huyện/Thành ủy, Đảng ủy Khối CQDN;
- UBND các huyện, thành phố;
- Bưu điện tỉnh, VNPT, Viettel Ninh Bình;
- Đài PTTH, Báo Ninh Bình, Cổng TTĐT tỉnh;
- Các VP, Trung tâm, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP6, TTPVHCC.

QP_PVHCC_02KH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tổng Quang Thìn